



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: ☒ Y ☐ NC

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO #: _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LUU QUANG Si
Last Middle First

Current Address: 78 đường 30/4 BIÊN HOA ĐÔNG NAI

Date of Birth: 1/21/1952 Place of Birth: BÌNH TRƯỞNG BIÊN HOA

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/30/1975 To 01/22/1978
Years: 2 Months: 9 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>LUU - THI BICH - PHUONG</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn-thị Phương Thảo ²	3/16/68	Wife
Lưu - Thảo - Vy	8/9/87	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

(Chú ý) : cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sanh, lệ thu (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phu/hoặc thê) tờ khai di chúc (nếu có) và hình ảnh của con sẽ cùng đi với bạn không chúng tôi với bạn hiện tại, xin viết đi tên trong phần I)

C. Relative, Outside Vietnam/Outside of your country:

Of myself/ourself : Of my spouse/our

1. Closest Relative in the USA

là con thân thuộc nhất ở Mỹ

a/ Name

Họ tên

b/ Relationship

Liên hệ gia đình

c/ Address

Địa chỉ

d/ Date of Relatives Arrival in the USA

Ngày đến của người thân

2. Closest Relative in other foreign countries

là con thân thuộc nhất ở các nước khác

a/ Name

Họ tên

b/ Relationship

Liên hệ gia đình

c/ Address

Địa chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình (sống/

1/ Father

Cha:

2/ Mother

Mẹ:

3/ Spouse

Vợ / chồng :

4/ Former Spouse (if any)

Vợ / chồng trước (nếu có) :

5/ Children

Con cái:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6/ Siblings

Anh chị em

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by US Government agencies or other U.S. organization of you

Spouse/Ban hoặc vợ/chồng, đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ.

hoặc hàng Mỹ :

1/ Employee Name

Tên họ nhân viên:

2/ Position title

Chức vụ :

QUESTION FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP ĐƠN

ODPTV

Date :

Ngày 10-1-1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to :

Goi số câu hỏi này tới :
127 Penjabnum-ai-head building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành anh ngữ thì bằng tiếng Việt

A. Basic Identification Date/Lý lịch cá nhân :

1. Name

Họ tên:

Lưu Quang Sĩ

sex

Phái :

Nam

2. Other Name

Họ tên khác :

3. Date/Place of birth

Ngày, nơi sinh:

21/1/1952 tại Quận Đức Tu, Tỉnh Biên Hòa

4. Residence Address

Địa chỉ thường trú :

48 đường 30 tháng 4, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. Mailing Address

Địa chỉ thư tu :

48 đường 30 tháng 4, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. Current Occupation

Nghề nghiệp hiện tại:

Làm ruộng

B. Relatives to Accompany/Bà con cùng đi với tôi :

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M) Divorced (D) Widowed (W) , or Single (S)

(CHÚ Ý : Vợ/Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Khai trình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) đã ly dị (D) góa phụ/ góa thê (W) hoặc độc thân (S)

Name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
Họ tên	Ngày/tháng/năm	Nơi sinh	Phái	Trình trạng	Liên hệ
1. Nguyễn Thị Phụng Thảo	16/3/1964	Bà Rịa	Nữ		con gái
2. Trần Văn Mỹ	3/8/1987	TP. Saigon	Nữ		con
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: for the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates marriage certificates (if married) divorces (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photo. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

BỘ QUỐC PHÒNG

Sục Quân Pháp

CH. Đ. 71

Số: 112.06.4/I6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTC ngày 03-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc - Nội vụ số 12/TT ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTC ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thị lệnh quyết định số 13/QĐ ngày 27.12.77 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: TRU NGUYỄN SỸ

Ngày, tháng, năm sinh: 1952

Quê quán: Điện Biên

Trú quán: 72 Trịnh Hoài Đức Điện Biên

Số lính, cấp bậc thực vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 72.147.300

Chức vụ: Sĩ quan quản trị nhân viên

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 72 Trịnh Hoài Đức thuộc Huyện, Quận: Điện Biên Tỉnh, Thành phố: Đông Nai và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 06 tháng

- Thời hạn đi đường: 03 ngày ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

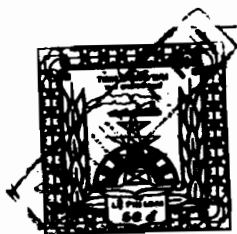
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

(cấp phát kèm theo)

Ngày 27 tháng 12 năm 1977

BỘ TƯ LỆNH

SAD Y BẢN CHÁNH
TR. ĐIỆN BIÊN 17.12.77



Hoàng Văn Lưu

Ngày cấp: 12/12/75 Y-Viện: 101
HIỆU XUẤT VIÊN

CLQ ☐ DPQ ☐
CLQ chuyển phải DPQ ☐ NQ ☒ 68/TU

LY - LICH

Họ và Tên: **TRUYỀN LƯU QUANG SI** 72/14 39
Số quân (8 số): . . . Cấp bậc . . . CNQS . . . Ngạch . . .
Đơn-vị quân-trị Quân-số: **TK. HAU NGHIA** 4506
Nơi đồn trú thuộc Quân-Khu

LOẠI BỆNH: Chiến thương ☐ Nạn thương ☐ Bệnh hoạn ☒ Không rõ nguyên do ☐

Ngày nhập viên	Ngày xuất viên	Ngày phải trình diện	Hồ bệnh lý số
3475	24472	Ngày 25/5/75 gốc ngày	1431 /CH/NB/4

QUYẾT-ĐINH CỦA ĐƠN-VỊ QUÂN-Y ĐIỀU-TRỊ

NGHI 15 HỌY

Địa-chỉ nghỉ phép:

NOI NHAN
Kiến-thị 1600, ngày 23 APR 1975
Y-Sĩ-Trưởng H. Sĩ-Quan Quan-Lý
Thiếu-Tá NGUYỄN-DANG-TIẾN
Trưởng Phòng Nạn Bệnh
MAU 98-697 (Thay thế mẫu Q-697B ngày 30.4.65)
6.72.7 TALAP.O.188

Số ký danh

Chứng-chỉ Tú-Tài phần thứ hai

1612 / Sg CD

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THI



Nhận-thực thí-sinh LƯU QUANG SĨ

sinh ngày 21 tháng 01 năm 1952

tại Bình Phước tỉnh Biên Hòa

đã trúng-tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI

Ban C hạng Thứ

Khóa ngày 15-6-1971 tại Sài Gòn

với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo-

Dục phê-chuẩn.

Sài Gòn ngày 30 tháng 6 năm 1971

Người lập chứng-chỉ

CHÁNH-CHỦ-KHẢO

Họ và Tên Phạm Ngọc Cam

Họ và Tên

Nguyễn Đức Hiền

Chữ ký

Nam

Chữ ký

BIỆT-CHÚ

Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần.

Khi cần phải làm bản sao, xin thị thực của Chánh-quản.

SAO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÒA NGÀY 5/11/1988

CÔNG CHỨNG VIÊN

QUYỀN SỐ

LƯU TRỮ SỐ

SỐ THỨ TỰ

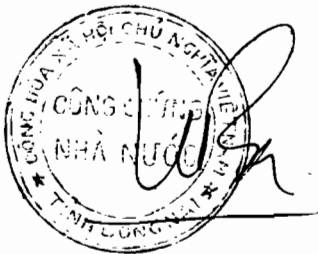
THU LỆ PHÍ

af

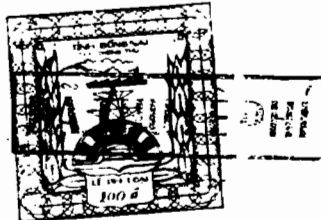
84

40

100 đ



Lê Thị Chư Diu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270605748**

Họ tên **Lưu Quang Sĩ**

Sinh ngày **21-1-1974**

Nguyên quán **Thị trấn Hòa**

Đông Hưng

Nơi thường trú **Thị trấn Nguyệt**

Thị trấn Nguyệt, xã Nguyệt, huyện Nguyệt



SAD Y BẢN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA Ngày 18/07/20

Danh sách:	Tên: Tôn giáo:	Ngày:
	NGON TRÚ TRẠI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Ngày tháng năm 1962 Chức vụ: Trưởng Chức vụ: Trưởng
	NGON TRÚ PHẢI	Ngày tháng năm 1962 Chức vụ: Trưởng Chức vụ: Trưởng Trưởng Trưởng



Hoàng Nam Lưu

Bến Hoà, ngày 10 tháng 1 năm 1990.

Kính gửi chị và các đồng chí.

Tôi tên là Lưu Quang Sĩ, sinh ngày 21/1/1952 tại xã Bình Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Bình Hoà. Nguyên trước đây tôi là Sĩ quan QLVNCH phục vụ tại Tiểu Khu Hậu Nghĩa. Sau ngày 30/4/75 tôi bị giam giữ và cải tạo tại Phú Lợi (tỉnh Bình Dương) và chuyển trại lên căn cứ Trảng Lớn (tỉnh Tây-Ninh.)

Kính thưa chị và các anh chị;

Tại đây tôi và anh tôi là Lưu Quang Dũng bị giam chung, trong khi đi lao động đã lập hảo hùm, kết quả anh tôi bị cứa rách, còn tôi bị thương ở đùi và phải nằm viện 83, thọc dao 500 cứa tại căn cứ trên 2 tháng, (anh tôi trên 5 tháng) Sau đó, anh tôi được chuyển đi Cà Lùn và tôi phải lên Bù-gia-Phước (tỉnh Phước Long) để phá rừng làm rẫy. Tôi được thả tự do đầu năm 1978.

Kính gửi chị và các anh chị;

Tôi cũng có người thân tại Mỹ cũng như tại
Pháp nhưng vì có lẽ gđ-tình tôi nghèo
(hay là xin quã) nên các người thân này ngại
cùng đi chơi tư, vì vậy tôi nghĩ không nên
nhờ vả họ.

Nên tôi chỉ nhờ chị và các anh chị
trọng khi cố gắng giúp đỡ và bảo lãnh cho
tôi cũng vào, còn sớm trước, tình cũ tại Mỹ.
Trọng khi cho thư phư tập gửi chị,
thấy một gđ-tình trên trong một bà chị.
Bà các công hi của chị.

Luquanon
Lui Quang B.

QUESTION FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỘ ĐƠN

ODPIV _____

Date : _____
Ngày 10-1-1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible, if you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết thạo anh ngữ thì bằng tiếng Việt

Mail or send the completed questionnaire to :

Goi số câu hỏi này tới :
127 Panjab Road building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Date/Lý lịch
căn bản :

1. Name
Họ tên: Lưu Quang Sĩ sex
Phái: Nam

2. Other Name
Họ tên khác : _____

3. Date/Place of birth
Ngày, nơi sinh: 21/1/1952 tại Quảng Đức Tu, Tỉnh Biên Hòa.

4. Residence Address
Địa chỉ thường trú: 78 đường 30 tháng 4, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. Mailing Address
Địa chỉ thư tu: 78 đường 30 tháng 4, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại: Làm gặt

B. relatives to accompany/Đã con cùng đi với tôi :

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M) Divorced (D) Widowed (W) , or Single (S)

(CHÚ Ý : Vợ/Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) đã ly dị (D) góa phụ/ góa thê (W) hoặc độc thân (S)

Name Họ tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm	Place or Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng	Relationship Liên hệ
1. <u>Nguyễn Thị Phụng</u>	<u>16/3/1964</u>	<u>Tỉnh Long An</u>	<u>Nữ</u>		<u>con rể</u>
2. <u>Chị Thảo Uyên</u>	<u>3/8/1987</u>	<u>TP. Saigon</u>	<u>Nữ</u>		<u>con</u>
3. _____	_____	_____	_____	_____	_____
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: for the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates marriage certificates (if married) divorces (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photo. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

CHÚ Ý : cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sanh, gia thu (nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khz tử của vợ/chồng (nếu góa phu/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu ba con sẽ cùng đi với bạn không chung ngu với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ trong phần I)

C. Relative, Outside Vietnam/Hoang o ngoai quoc:

Of Myself/của tôi : Of My Spouse/cu

1. Closest Relative In the USA

Ba con thân thuộc nhất ở Mỹ

a/ Name

Họ tên

Lưu thị Bích Phượng

b/ Relationship

Liên hệ gia đình

Em (nốt cha khác mẹ)

c/ Address

Địa chỉ

d/ Date of Relatives Arrival in the USA

Ngày ba con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Ba con thân thuộc nhất ở các nước khác

a/ Name

Họ tên

b/ Relationship

Liên hệ gia đình

c/ Address

Địa chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình (sống/

1/ Father

Cha:

Lưu Quang Cua (Sống)

2/ Mother

Mẹ:

Lưu thị Hồng (Sống)

3/ Spouse

Vợ/chồng:

Nguyễn thị Phượng Thảo (Sống)

4/ Former Spouse (if any) y

Vợ/chồng trước (nếu có):

5/ Childrent

Con cái:

(1)

Lưu Thảo Vy

(Sống)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6/ Siblings

Anh chị em

(1)

Lưu Quang Hùng

(Sống)

(2)

Lưu thị Hồng Hạnh

(Sống)

(3)

Lưu Quang Tuấn

(Sống)

(4)

Lưu thị Thủy Nga

(Sống)

(5)

Lưu Quang Kiệt

(Sống)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by US Government Agencies or other U.S Organization of you Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ:

1/ Employee Name

Tên họ nhân viên:

2/ Position title

Chức vụ:

Agency/Company/Office, _____

So /hàng /Van phong : _____

Length of Employment From _____ to _____

Thời gian làm việc tu _____ đến _____

Name of American Supervisor _____

Tên họ giám thị Mỹ: _____

Reason for Separation o _____

Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAP By your Spouse/Ban hoặc Vo/chồng đã công vụ
vui chính phủ VN

1/Name of Person Serving _____

Họ tên người tham gia : _____

2.Date _____

Ngày, tháng, năm _____

From _____

Tu: _____

To _____

đến _____

3.Last Rank _____

Cấp bậc cuối cùng : _____

Serial Number _____

Số thẻ nhân viên _____

4.Ministry/Office/Military Unit _____

Bộ /so /don vi Binh chung: BCH/LA 937/LHP Tiền khu 7/24 Ngã

5.Name of Supervisor/C.O _____

Họ tên người giám thị sĩ quan chỉ huy : Trung tá Nguyễn Thanh Tiên

6.Reason for Separation _____

Lý do nghỉ việc : _____

7 Name of American Advisor (s) _____

Họ tên cố vấn Mỹ : _____

8.U.S Awards or Certificates _____

Name of award; _____

date received _____

Phân thưởng hoặc giấy khen _____

Ngày nhận _____

(NOTE: please attach any copies of diplomas, awards or certificates
If available .Available ? Yes _____ No _____)

Chú ý : xin kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng
thủ nếu có. Nếu không có thì ghi không có.

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse/Ban hoặc vo/chồng đã huấn
luyện ở ngoài quốc):

1.Name of student/Trainee(họ tên sinh viên, người được huấn luyện) _____

2. School and school address(trường và địa chỉ trường): _____

3.Date(ngày, tháng, năm) _____ from(tu) _____ to(đến) _____

4.Description of Courses(mô tả ngành học): _____

5.Who paid for training(ai đại thọ) _____

(NOTE: Please attach copies or diplomas or orders, if available.

Available? Yes _____ No _____? (Chú ý: xin kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị
nếu có. Ban có hay không có _____ không _____)

H. Reeducation of you or your spouse/Ban hoặc vo/chồng bạn đã đi học cải tạo

1.Name of Person in Reeducation _____

Họ tên người đi học cải tạo: _____

2.Time in Reeducation(thời gian) From (tu) _____ To(đến) _____

3.Still in Reeducation?(vẫn còn học tập) Yes(có) _____ No(không) _____

(If released, we must have a copy of your release certificate)

Nếu được thả, chúng tôi cần 1 giấy ra trại(ban sao)

I. Any Additional Remarks ?(câu chú phụ thuộc?)

Anh tôi là L. Q. Dũng, cấp bậc Tu: tá V. BTM và tôi là L. Q. Sĩ. Hai anh em tôi, năm 1977, khi
đang cải tạo tại c.p. Tân Lân (Tân Ninh) Trường khi đi lao động đã gặp phải nạn, kết quả
anh bị thương nặng, cấp tôi bị thương phải nằm bệnh viện K. 3 tuần rưỡi. Kính xin chỉ em
các cấp tổ chức, đơn vị giúp đỡ và bảo lãnh cho tôi đi tiếp tục công tác tại K.K. Tân tạo ở bên

Signature (Ký tên) _____

Date (Ngày) _____

luquuan

J. Please List Here all Document Attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với ô câu hỏi này

Xin kính kèm hình
gia-tình tôi.



Lưu Quang Sĩ

SN: 21/1/1952

tại Quận Thủ Đức

Tỉnh Biên Hòa

Nguyễn Thuồng Thảo

SN: 16/3/1964

tại Long Phú

Tỉnh Long An.

Lưu Thảo Vy.

SN: 5/8/1987

tại TP. HCM.



THU LỆ PHÍ

SAD Y BÀN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA Ngày 18/02/80



Mô Tầm Lưu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố
Đồng Nai
Quận, Huyện
Trí-Biên Hòa
Xã, Phường
Quyết-Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 01
Số 1298

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Họ và tên người chồng	LƯU QUANG SĨ
Sinh ngày	16 - 03 - 1954	Sinh ngày	21 - 01 - 1952
Quê quán	Long An	Quê quán	Biên Hòa
Nơi đăng ký thường trú	78 Đường 30-4 P-Quyết-Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	Nơi đăng ký thường trú	78 Đường 30-4 P-Quyết-Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai
Nghề nghiệp	Hội trợ	Nghề nghiệp	Làm rẫy
Dân tộc	Kinh Quốc tịch Việt-Nam	Dân tộc	Kinh Quốc tịch Việt-Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu		Số CMND hoặc Hộ chiếu	270695745

Kết hôn ngày 05 tháng 09 năm 1988

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Thị Phương Thảo

Lưu Quang Sĩ
Lưu Quang Sĩ



Phường Quyết-Thắng

Chú-Tích

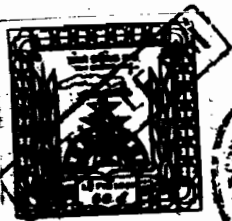
Lưu Quang Sĩ

KHAI SANH

Số hiệu: 139

Ấu-nhi: (Họ, tên)	Lũn - quang - sĩ
Phái:	Nam
Sinh	Hai mươi một tháng giêng năm (Ngày tháng năm) ngàn chín trăm mười hai
Tại:	Bao Sanh Kiên Khương Biên-Hòa
Cha: (Họ, tên)	Lũn quang Của
Tuổi:	-
Nghề-nghiệp:	Nghiep chủ
Cư-trú tại:	Biên-Hòa
Mẹ: (Họ, tên)	Lời thị Xiêng
Tuổi:	-
Nghề - nghiệp:	Làm việc nhà
Cư-trú tại:	Biên-Hòa
Vợ:	-
Người khai: (Họ, tên)	Lý Nhị
Tuổi:	70 mười tuổi
Nghề-nghiệp:	nhà hộ gia đình
Cư-trú tại:	Bình-Trước
Ngày khai:	-
Người chứng thứ nhất: (Họ, tên)	Văn thi Tô
Tuổi:	Ba mươi một tuổi
Nghề-nghiệp:	Nghiep chủ
Cư-trú tại:	Bình-Trước
Người chứng thứ nhì: (Họ, tên)	Nguyễn văn Chiêu
Tuổi:	Bốn mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp:	Làm mìn
Cư-trú tại:	Bình-Trước

SAD Y BẢN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA Ngày 18/1/52



Chữ ký: *Nguyễn Văn Lưu*
Ngày 18/1/52

Chữ ký

NGUYỄN VĂN CHUỐC

Biên-Hòa 10 23 Janvier 1952
Lun tại Bình-Trước ngày 23 tháng giêng năm 1952

Người khai,

Họ tại,

Khán chứng,

Lý Nhị

Nguyễn Văn Chiêu
N.B.H.C. XE BÌNH-TRƯỚC

Văn thi Tô

Nguyễn văn Chiêu



PHẠM VĂN THANH



NGUYỄN HỮU TÍNH
Pro. 000-00

KHAI SANH

Số hiệu 92

(HỒ SƠ CÔNG CHỨC)

Trích y bộ

sinh năm 1,964

18-Phủ, Ngày 20-3-1964

Hội-Viện Hộ-Tịch

SỞ YÊN-CHÍNH

TP. GIEN HOA Ngày 20/3/64



Thận trọng chữ ký

n trên đây của Ông

Nguyễn-Phúc-Thanh

1 Viên-Hộ-Tịch

Đại-Diện Là,

no phub

ội-Viện Tịch-Chính

Thủ-đạo chữ ký của Hội

Long-Phủ

20 tháng 03 năm

VIỆN-TRƯỞNG

PHÓ QUẢN-TRƯỞNG



NGUYỄN-VĂN-SANG

Phó Chủ-tịch UBND Tỉnh

Tên, họ ấu nhi : Nguyễn thị-Phương-Thảo

Phái : Nữ

Sinh : Ngày mười sáu, tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn.

(Ngày, tháng, năm)

Tại : Long-Phủ

Cha : Nguyễn tấn-Phường

(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi hai tuổi

Nghề-nghiep : Giáo-Viên

Cư-trú tại : Long-Phủ

Mẹ : Bùi thị-Phận

(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi bảy tuổi

Nghề-nghiep : Nữ giáo-viên

Cư-trú tại : Long-Phủ

Vợ : Tô cảnh

(chánh hay thờ)

Người khai : Nguyễn thị-Kết

(Tên, họ)

Tuổi : Bốn mươi bảy tuổi

Nghề-nghiep : Buôn bán

Cư-trú tại : Long-Phủ

Ngày khai : Ngày mười chín, tháng ba năm 1964

Người chứng thư nhất : Phan công-Lận

(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi một tuổi

Nghề-nghiep : Làm công

Cư-trú tại : Long-Phủ

Người chứng thư nhì : Dương văn Hai

(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi bốn tuổi

Nghề-nghiep : Làm công

Cư-trú tại : Long-Phủ

Lập tại xã Long-Phủ, ngày 19 tháng 03 năm 1964

Người khai,

Hộ-lai,

Nhân-chứng,

Nguyễn thị-Kết

Nguyễn-Phước-Thanh

Phan công-Lận

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

Mẫu HT8 P8

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

68: 2505

Thị xã quận: _____

BẢN SAO

Qayta o's : _____

Thành phố, tỉnh: ~~Bình Định~~

GLẤY KHAI SANH

[illegible]

Họ và tên	LÊ THẢO VY, Nam, Ng. Nữ	
Sinh ngày tháng, năm	01.06.1997 (Ngày ba, tháng tám, năm một chín tám một bảy)	
Nơi sinh	Định viên Hùng Vương (TP. Hồ Chí Minh)	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi hoặc ngày, tháng năm sinh	LÊ QUANG-SI 1952	NGUYỄN-THỊ-TRƯỜNG-THẢO 1961
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam
Nghề nghiệp	Công nhân viên	Công nhân viên
Nơi ĐKNK thường trú	79, Đường 30/4, Ph. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đ. Nam	
Họ tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Cha: Lê Quang-Si	

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19_____

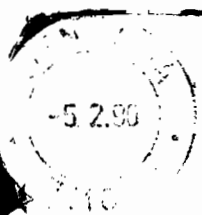
Ngày 03 tháng 2 năm 1988
(ký tên đóng dấu)

(ký tên và đóng dấu ghi rõ họ tên và chức vụ)

TM. UBND PHƯỜNG CUYẾT-THẮNG.

Phó Chủ-tịch
(Ký tên đóng dấu)
LÊ-THỊ-HAI.

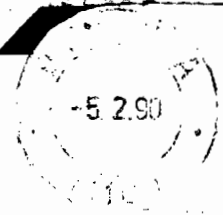




VIET NAM
 9000 đ
 BƯU CHIAI
 HANOI

PAR AVION

MAR - 7 1990



VIET NAM
 3510 đ
 BƯU CHIAI
 HANOI

1107
 12510

TO: MRS. KHUC MINH THU



PAR AVION VIA AIR MAIL

USA



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

LƯU QUANG SĨ

28, 9M.

no 8 V#

Request: approve this case

The f
inter
admi:

IV#: _____
VEWL#: _____
I-171: X Y ✓ NO
A #: _____

formerly
or U.S.

1. APPLICANT

²
Sĩ
First

Current Address: 78 đường 30/4 BIÊN HOA HUNG NAI

Date of Birth: 1/21/1952 Place of Birth: BÌNH TRƯỞNG BIÊN HOA

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/30/1975 To 01/22/1978
Years: 2 Months: 9 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435 P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635 ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>LƯU - THỊ - BÌNH - PHUONG</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: ☒ Y ☒ NO

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO #: _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LUU QUANG Si
Last Middle First

Current Address: 78 đường 30/4 BIÊN HOA ĐÔNG NAI

Date of Birth: 1/24/1952 Place of Birth: BÌNH TRƯỚC BIÊN HOA

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/30/1975 To 01/22/1978
Years: 2 Months: 9 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435 P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635 ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>LUU - THU - DICH - PHUONG</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn-thị Phụng ² Thảo	3/16/68	Wife
Lên Thảo Vy	8/9/87	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ QUỐC PHÒNG

Cục Quân Pháp

QUÂN ĐỘI 3

Số: 112.06.4/16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTC ngày 03-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hủ bại bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Công an số 13/CP ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTC ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 13/CP ngày 27.12.77 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: LƯU ĐƯƠNG SỸ

Ngày, tháng, năm sinh: 1952

Quê quán: Diên Hòa

Trú quán: 73 Trịnh Hoài Đức

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các

tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 72.147.300

Thiếu úy: sỹ quan quản trị nhân viên

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 73 Trịnh Hoài Đức thuộc Huyện,

Quận: Diên Hòa Tỉnh, Thành phố: Đông Nai

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 06 tháng

- Thời hạn đi đường: 03 ngày

ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

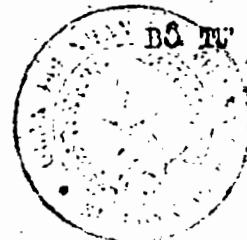
- Tiền và lương thực đi đường (nếu có):

(Cấp phát kèm theo)

Ngày 22 tháng 01 năm 1978

BỘ TƯ LỆNH

SỞ Y BAN CHỈNH
TR. DIÊN HÒA H. 19.11.1978



Trung Tá E. N. N.

...nêu ra các nguyên nhân theo yêu cầu của bài dạy.